

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 05-12-2017
V/v Ly hôn giữa chị H và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thơm**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Minh Cảnh**

2. Bà **Nguyễn Ngọc Duyên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mau** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà **Lai Thị Ngọc Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 236/2017/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2017/QĐXXST - HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn - chị

Bùi Thị H trình bày:

Chị H và anh T chung sống với nhau vào năm 1998, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, hôn nhân tự nguyện nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T có tính ghen tuông vô cớ, thường xuyên xúc phạm vợ và không quan tâm tới tâm tư tình cảm của chị. Bản thân chị H đã cố gắng chịu đựng vì thương con nhưng tính tình anh T không thay đổi. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Văn K1, sinh ngày 13/10/1999 và Huỳnh Thị K2, sinh ngày 03/12/2005. Khi ly hôn chị tôn trọng nguyện vọng của các con muốn sống với cha hay mẹ thì tùy. Đối với cháu K2 nếu sống với mẹ thì chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị H tiếp tục xin ly hôn với anh T, xin được nuôi cháu Huỳnh Thị K2 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày ý kiến như sau:

Anh chị chung sống với nhau từ năm 1998 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống anh rất thương yêu vợ con, tiền bạc làm ra đều vun vén cho gia đình nhưng thời gian gần đây chị H tỏ thái độ lạnh nhạt với chồng không cho anh gần gũi và không còn quan tâm đến anh. Anh không muốn ly hôn nhưng do vợ không còn muốn chung sống với anh nữa nên anh đồng ý ly hôn với vợ.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Văn K1, sinh ngày 13/10/1999 (Đã trưởng thành) và Huỳnh Thị K2, sinh ngày 03/12/2005.

Khi vợ chồng ly hôn con muốn sống với ai thì tùy nguyện vọng của con. Cháu Huỳnh Thị K2 nguyện vọng được sống với mẹ anh T tôn trọng nguyện vọng của con và thống nhất với chị H việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu K2.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến trình bày của con chung:

Cháu Huỳnh Thị K2 có nguyện vọng được sống với mẹ là chị H khi cha, mẹ ly hôn.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T đều xác định vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng lý kết hôn theo quy định. Chị H yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung, chị H và anh T cùng xác định vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Văn K1, sinh ngày 13/10/1999 (Đã trưởng thành) và Huỳnh Thị K2, sinh ngày 03/12/2005. Anh chị thống nhất giao cháu K2 cho chị H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài lời trình bày của mình, các đương sự còn thống nhất với các chứng cứ do các đương sự cung cấp trong hồ sơ vụ án như: 01 giấy xác nhận chưa đăng ký kết hôn; Giấy khai sinh hai cháu K1 và K2 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự (Bản chính).

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định. Đề nghị áp dụng Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình

không công nhận chị H và anh T là vợ chồng; giao cháu K2 cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự việc anh Thanh không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng các đương sự không yêu cầu nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H xin ly hôn với anh T, các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Về quan hệ pháp luật: Chị H xin ly hôn với anh T và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Căn cứ vào Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Huỳnh Văn T.

Về con chung: Anh, chị có hai người con chung là Huỳnh Văn K1, sinh ngày 13/10/1999 (Đã trưởng thành) và Huỳnh Thị K2, sinh ngày 03/12/2005 hiện đang sống với mẹ. Đối với cháu K1 đã đủ tuổi trưởng thành muốn sống với cha hay mẹ là do nguyện vọng của cháu. Đối với cháu K2 có nguyện vọng được sống với mẹ, hiện chị Hiếu có nơi ăn chốn ở ổn định, có điều kiện gần gũi con để lo lắng chăm sóc sinh hoạt, học tập cho con trong khi còn anh T công việc đi biển

dài ngày không có điều kiện để gần gũi chăm lo cho con và nguyện vọng của cháu K2 là được sống với mẹ nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu K2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đồng thời ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007107 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Huỳnh Văn T.

2/ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị K2 sinh ngày 03/12/2005 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị về việc anh Huỳnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Thị K2.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Bùi Thị H có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007107 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí.

5/ Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/12/2017).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu, HS, VP.*

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm